

KẾ HOẠCH

Cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 năm 2016 của các cơ quan Nhà nước tỉnh Nghệ An

Hiện tại trên Cổng thông tin điện tử (TTĐT) của tỉnh đã cung cấp 998 dịch vụ công trực tuyến cấp độ 2 cho người dân và doanh nghiệp, đạt tỷ lệ 100%; Trong đó số thủ tục hành chính cấp tỉnh là 702, cấp huyện là 163 và cấp xã là 133. Giai đoạn 2011-2015, toàn tỉnh đã có 19 thủ tục hành chính thuộc 8 Sở, ban, ngành được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức 3. Ngày 10/10/2013, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 25/2013/CT-UBND về việc đẩy mạnh triển khai ứng dụng các dịch vụ công trực tuyến trong các cơ quan Nhà nước tỉnh Nghệ An, đồng thời phê duyệt lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2014-2018 theo Đề án xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Nghệ An được tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3188/QĐ-UBND ngày 09/7/2014. Các dịch vụ công trực tuyến đã góp phần cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước một cách công khai, minh bạch, phục vụ cho người dân và doanh nghiệp tốt hơn.

Triển khai Nghị quyết 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử và Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 của tỉnh như sau:

I. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

1. Mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 của giai đoạn 2016 – 2020

- Năm 2016: 40% các dịch vụ công trực tuyến cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã của tỉnh được cung cấp ở mức độ 3. Thí điểm triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 tại 9 Sở, ngành của tỉnh đối với một số dịch vụ công phổ biến, liên quan nhiều tới người dân, doanh nghiệp người sử dụng để triển khai thanh toán lệ phí và nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan cung cấp dịch vụ.

- Năm 2017: 70% các dịch vụ công trực tuyến cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã của tỉnh được cung cấp ở mức độ 3. Lựa chọn triển khai dịch vụ công trực tuyến

mức độ 4 nhằm đảm bảo đạt được tỷ lệ 10% số dịch vụ công trực tuyến cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã của tỉnh được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

- Năm 2018: 90% các dịch vụ công trực tuyến cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã của tỉnh được cung cấp ở mức độ 3. Hoàn thiện, nâng cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 lên mức độ 4 nhằm đảm bảo đạt được tỷ lệ 20% số dịch vụ công trực tuyến cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã của tỉnh được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

- Năm 2019: Cơ bản các dịch vụ công trực tuyến cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã của tỉnh được cung cấp ở mức độ 3. Hoàn thiện, nâng cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 lên mức độ 4 nhằm đảm bảo đạt được tỷ lệ 30% số dịch vụ công trực tuyến cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã của tỉnh được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

Năm 2020: Rà soát, đánh giá hiệu quả triển khai dịch vụ công trực tuyến đã triển khai cung cấp; tiếp tục lựa chọn các thủ tục hành chính để nâng cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 lên mức độ 4 đưa vào cung cấp cho người dân, doanh nghiệp, phấn đấu đến 2020 đạt được tỷ lệ 40% số dịch vụ công trực tuyến cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã của tỉnh được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

Các dịch vụ công sẽ được tinh triển khai xây dựng phần mềm tập trung tại Cổng dịch vụ công <http://dichvucong.nghean.gov.vn>, bàn giao cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành, thị ứng dụng để cung cấp dịch vụ công của đơn vị.

2. Danh mục các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 sẽ triển khai trong năm 2016:

Trên cơ sở danh mục nhóm các dịch vụ công được ưu tiên cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 tại các tỉnh, thành phố ban hành kèm theo Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ (cấp tỉnh: 40 nhóm thủ tục hành chính; cấp huyện: 8 nhóm thủ tục hành chính; cấp xã: 5 nhóm thủ tục hành chính), với tiêu chí để lựa chọn các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 ưu tiên triển khai trong năm 2016 là: các cơ quan, đơn vị lựa chọn các dịch vụ công phổ biến, liên quan nhiều đến người dân, doanh nghiệp và thuộc danh mục nhóm các dịch vụ công được ưu tiên cung cấp trực tuyến tại các tỉnh, thành phố ban hành kèm theo Quyết định số 1819/QĐ-TTg; đảm bảo tiêu chí 40% các dịch vụ công trực tuyến cấp tỉnh, cấp huyện, được cung cấp ở mức độ 3. Riêng đối với dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, sẽ thí điểm triển khai tại các đơn vị sau: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tư pháp; Sở Xây dựng; Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Sở Y tế; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Giao thông vận tải, Sở TT&TT.Sở Lao động TB và XH...

(Có bảng danh sách mục các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 sẽ triển khai trong năm 2016 chi tiết ở phụ lục kèm theo).

II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp hành chính:

Ban chỉ đạo ứng dụng CNTT tỉnh: tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch lộ trình triển khai dịch vụ công trực tuyến của tỉnh, đưa các chỉ tiêu về cung cấp dịch vụ công trực tuyến vào tiêu chí xếp hạng ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước của tỉnh.

Các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành, thị: đẩy mạnh hoạt động của Ban chỉ đạo công nghệ thông tin của đơn vị, nâng cao vai trò, trách nhiệm của lãnh đạo các cấp về ứng dụng công nghệ thông tin, đặc biệt là triển khai dịch vụ công trực tuyến tại các đơn vị;

Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị xây dựng và ban hành các văn bản, chính sách khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

2. Giải pháp kỹ thuật, công nghệ:

Xây dựng hệ thống dịch vụ công trực tuyến của tỉnh trên nền tảng công nghệ mới, hiện đại, tích hợp các dịch vụ công trực tuyến hiện có từ các nền tảng khác nhau sang nền tảng thống nhất, đồng bộ cơ sở dữ liệu người dùng với Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các phần mềm dùng chung của tỉnh. Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của tỉnh bao gồm hệ thống dịch vụ công cấp huyện, hệ thống dịch vụ công cấp xã và các hệ thống dịch vụ công của các sở, ban, ngành, được triển khai trên môi trường hạ tầng kỹ thuật dùng chung của tỉnh đảm bảo an ninh thông tin, cung cấp dịch vụ công cho công dân, tổ chức ổn định và an toàn.

3. Giải pháp nhân lực:

Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực tại các cơ quan, đơn vị đủ trình độ để vận hành hệ thống công nghệ thông tin nội bộ và sử dụng các ứng dụng dịch vụ công trực tuyến; Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ chuyên gia CNTT đủ năng lực để tiếp nhận, xây dựng, phát triển các ứng dụng dịch vụ công trực tuyến theo lộ trình của tỉnh

4. Giải pháp tổ chức, triển khai:

Xây dựng và triển khai dịch vụ công trực tuyến theo từng giai đoạn: thí điểm, triển khai và triển khai nhân rộng để đảm bảo hiệu quả và thuận lợi cho công dân và tổ chức khi sử dụng.

Tinh tổ chức triển khai các dịch vụ công trực tuyến dùng chung cấp huyện và cấp xã. Các sở, ban, ngành chủ động xây dựng dịch vụ công trực tuyến của đơn vị đảm bảo lộ trình của tỉnh trên nền tảng hạ tầng kỹ thuật dùng chung của tỉnh.

5. Giải pháp nâng cao nhận thức, thu hút người sử dụng:

Các cơ quan báo, đài của, Cổng thông tin điện tử của tỉnh tăng cường công tác tuyên truyền về dịch vụ công trực tuyến, xây dựng các chuyên mục giới thiệu thường xuyên để nhân dân biết và hình thành thói quen sử dụng dịch vụ công trực

tuyển; Các cơ quan, đơn vị tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá tới công dân và tổ chức về các dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết; tăng cường hình thức đào tạo, hướng dẫn tại chỗ, hướng dẫn từ xa qua mạng đối với công dân, tổ chức về sử dụng các dịch vụ công trực tuyến; Các cơ quan, đơn vị nghiên cứu, đề xuất cơ chế ưu tiên đối với hồ sơ đăng ký trực tuyến nhằm nâng cao tỷ lệ giao dịch qua mạng giữa người dân, tổ chức với các cơ quan nhà nước.

6. Giải pháp về Tài chính

- Huy động tối đa các nguồn đầu tư từ ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác;

- Nghiên cứu triển khai thí điểm hình thức thuê dịch vụ CNTT để thực hiện Kế hoạch;

- Trích từ nguồn tiết kiệm chi hành chính khi không sử dụng văn bản giấy khi chuyển sang dùng văn bản điện tử để đầu tư, nâng cấp, duy trì, bảo dưỡng các hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

III. KINH PHÍ

- Kinh phí thuê dịch vụ công trực tuyến năm 2016 khái toán khoảng 5 tỷ đồng.

- Nguồn kinh phí: Từ nguồn chi sự nghiệp công nghệ thông tin hàng năm và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, huyện, thành, thị liên quan để triển khai thực hiện Kế hoạch; theo dõi, đôn đốc triển khai các chương trình, dự án, hạng mục liên quan đến việc triển khai Kế hoạch;

- Xây dựng kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin đảm bảo hạ tầng kỹ thuật và ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật để sẵn sàng triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4;

- Bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý các ứng dụng dịch vụ hành chính công trực tuyến cho đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin của các sở, ban, ngành, huyện, thành, thị;

- Tổ chức tuyên truyền đến các cá nhân, tổ chức về dịch vụ công trực tuyến của tỉnh trên các phương tiện thông tin đại chúng;

- Hàng năm tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo CNTT về tình hình cung cấp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh; căn cứ tình hình thực tế xây dựng kế hoạch, triển khai các dịch vụ công trực tuyến.

2. Sở Nội vụ.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành quy định về xét thi đua khen thưởng hàng năm cho các cá nhân, tập thể gắn với công tác cải cách thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại các cơ quan, đơn vị;

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành các thủ tục hành chính liên thông, tạo điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến liên thông mức độ 3, 4;

- Tiếp nhận phản hồi của cá nhân, tổ chức về chất lượng dịch vụ công trực tuyến và tham mưu UBND tỉnh các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông cân đối, tổng hợp các nguồn lực trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của tỉnh cho các dự án cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo Kế hoạch;

- Xây dựng chính sách huy động các nguồn vốn trong và ngoài nước; khuyến khích các cá nhân, doanh nghiệp đầu tư cung cấp dịch vụ phục vụ ứng dụng và phát triển CNTT trong các cơ quan nhà nước.

4. Sở Tài chính.

- Ưu tiên bố trí ngân sách cho các chương trình, dự án, hạng mục triển khai dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan, đơn vị theo Kế hoạch và các dự án hỗ trợ thực hiện Kế hoạch;

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước và ngoài nước trong việc thực hiện Kế hoạch;

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị nghiệm thu, quyết toán các dự án hoàn thành; dự toán, thanh toán và quyết toán chi phí thuê các dịch vụ CNTT.

5. Sở Tư pháp.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan tiếp tục rà soát, thực hiện cải cách bộ thủ tục hành chính của tỉnh;

- Thường xuyên theo dõi, đảm bảo chất lượng các văn bản liên quan đến dịch vụ công và dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.

6. Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành, thị.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm quán triệt, triển khai dịch vụ công trực tuyến của cơ quan, đơn vị; chủ động bố trí nguồn tài chính, trang thiết bị, nguồn nhân lực, xây dựng các quy định, quy chế cần thiết đáp ứng việc cung cấp, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến đúng Kế hoạch đề ra;

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai các hạng mục dự án thực hiện Kế hoạch cung cấp dịch vụ công trực tuyến năm 2016 của tỉnh;

- Định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh tình hình cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại đơn vị qua đầu mối là Sở Thông tin và Truyền thông.

Căn cứ vào kế hoạch của tỉnh; các sở, ban, ngành; UBND các huyện thành thị xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch, mọi phát sinh, vướng mắc, khó khăn các đơn vị liên hệ với Sở Thông tin và Truyền thông để được phối hợp, hỗ trợ triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, TP, TX;
- CVP, PVP CN UBND tỉnh;
- TT THCB;
- Lưu: Văn thư, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ngọc Hoa

Phụ lục: Danh sách mục các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 triển khai năm 2016
trên địa bàn tỉnh Nghệ An
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2016 của UBND tỉnh)

TT	Tên dịch vụ công trực tuyến	Mức DVCT T	Cơ quan chủ trì xử lý	Thuộc lĩnh vực	Ghi chú
A	TRIỂN KHAI DỊCH VỤ CÔNG CẤP TỈNH				
1	Cấp lại giấy phép bur chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	3	Sở TT&TT	Cấp phép bur chính	
2	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bur chính	3	Sở TT&TT		
3	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bur chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	3	Sở TT&TT		
4	Cấp lại giấy phép bur chính khi hết hạn	3	Sở TT&TT		
5	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép bur chính	3	Sở TT&TT		
6	Cấp giấy phép bur chính	3	Sở TT&TT		
7	Đăng ký thành lập doanh nghiệp đối với Công ty cổ phần (Trường hợp vốn đầu tư trong nước)	3	Sở KHĐT		
8	Đăng ký thành lập doanh nghiệp đối với Công ty cổ phần (Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài có không quá 49% vốn điều lệ và đã thành lập doanh nghiệp ở Việt Nam)	3	Sở KHĐT		
9	Đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp: từ Công ty Cổ phần thành Công ty TNHH một thành viên.	3	Sở KHĐT		
10	Đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp: từ Công ty Cổ phần thành Công ty TNHH hai thành viên trở lên.	3	Sở KHĐT		
11	Đăng ký Hợp nhất các Công ty cổ phần	3	Sở KHĐT		
12	Đăng ký sáp nhập các Công ty cổ phần	3	Sở KHĐT		
13	Đăng ký tách Công ty cổ phần (Trường hợp công ty bị tách)	3	Sở KHĐT		
14	Đăng ký tách Công ty cổ phần (Trường hợp công ty được tách)	3	Sở KHĐT		
15	Đăng ký chia Công ty cổ phần	3	Sở KHĐT		
16	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật đối với Công ty Cổ phần	3	Sở KHĐT		
17	Đăng ký thay đổi tên doanh nghiệp đối với Công ty Cổ phần	3	Sở KHĐT		
18	Đăng ký tăng vốn điều lệ đối với Công ty Cổ phần	3	Sở KHĐT		
19	Đăng ký giảm vốn điều lệ đối với Công ty Cổ phần----	3	Sở KHĐT		
20	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở đối với Công ty Cổ phần (Phạm vi trong tỉnh)	3	Sở KHĐT		
21	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở đối với Công ty Cổ phần (Nơi khác chuyển đến Nghệ An)	3	Sở KHĐT		
22	Đăng ký bổ sung, thay đổi ngành nghề kinh doanh đối với Công ty cổ phần	3	Sở KHĐT		
23	Đăng ký thay đổi cổ đông sáng lập đối với Công ty Cổ phần (Trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 84 của Luật Doanh nghiệp)	3	Sở KHĐT		
24	Đăng ký thay đổi cổ đông sáng lập đối với Công ty Cổ phần (Trong trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Doanh nghiệp)	3	Sở KHĐT		
25	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo Quyết định của Tòa án đối với Công ty Cổ phần	3	Sở KHĐT		

Công ty

26	Đăng ký lập địa điểm kinh doanh thuộc Chi nhánh đối với Công ty Cổ phần	3	Sở KHĐT
27	Đăng ký lập địa điểm kinh doanh thuộc Công ty Cổ phần	3	Sở KHĐT
28	Thông báo Tạm ngừng kinh doanh đối với Công ty Cổ phần	3	Sở KHĐT
29	Đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác đối với Công ty cổ phần	3	Sở KHĐT
30	Đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của Chi nhánh, Văn phòng đại diện do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác đối với Công ty cổ phần	3	Sở KHĐT
31	Giải thể doanh nghiệp đối với Công ty Cổ phần	3	Sở KHĐT
32	Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện đối với Công ty Cổ phần	3	Sở KHĐT
33	Thủ tục Đăng ký bổ sung thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với công ty cổ phần	3	Sở KHĐT
34	Thủ tục Đề nghị hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với công ty cổ phần	3	Sở KHĐT
35	Thủ tục Đăng ký bổ sung, hiệu đính nội dung thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đối với công ty cổ phần trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp	3	Sở KHĐT
36	Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký thuế đối với Công ty cổ phần	3	Sở KHĐT
37	Thủ tục Đăng ký thay đổi cổ đông sáng lập đối với Công ty Cổ phần (Trường hợp tặng cho cổ phần)	3	Sở KHĐT
38	Thủ tục Đăng ký hoạt động Chi nhánh đối với Công ty cổ phần	3	Sở KHĐT
39	Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh đối với Công ty cổ phần	3	Sở KHĐT
40	Thủ tục Đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện đối với Công ty cổ phần	3	Sở KHĐT
41	Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện đối với Công ty cổ phần	3	Sở KHĐT
42	Thủ tục Đăng ký Chấm dứt hoạt động chi nhánh đối với Công ty cổ phần	3	Sở KHĐT
43	Đăng ký thành lập doanh nghiệp đối với Công ty TNHH hai thành viên trở lên (Trường hợp vốn đầu tư trong nước)	3	Sở KHĐT
44	Đăng ký thành lập doanh nghiệp đối với Công ty TNHH hai thành viên trở lên (Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài có không quá 49% vốn điều lệ và đã thành lập doanh nghiệp ở Việt Nam)	3	Sở KHĐT
45	Đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp: từ Công ty TNHH hai thành viên trở lên thành Công ty Cổ phần.	3	Sở KHĐT
46	Đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp: từ Công ty TNHH hai thành viên trở lên thành Công ty TNHH một thành viên.	3	Sở KHĐT
47	Đăng ký Hợp nhất các Công ty TNHH hai thành viên trở lên	3	Sở KHĐT
48	Đăng ký sáp nhập các Công ty TNHH hai thành viên trở lên	3	Sở KHĐT
49	Đăng ký tách Công ty TNHH hai thành viên trở lên (Trường hợp công ty bị tách)	3	Sở KHĐT
50	Đăng ký tách Công ty TNHH hai thành viên trở lên (Trường hợp công ty được tách)	3	Sở KHĐT
51	Đăng ký chia Công ty TNHH hai thành viên trở lên	3	Sở KHĐT

cổ phần

52	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật đối với Công ty TNHH hai thành viên trở lên	3	Sở KHĐT
53	Đăng ký thay đổi tên doanh nghiệp đối với Công ty TNHH hai thành viên trở lên	3	Sở KHĐT
54	Đăng ký tăng vốn đối với Công ty TNHH hai thành viên trở lên	3	Sở KHĐT
55	Đăng ký giảm vốn đối với Công ty TNHH hai thành viên trở lên	3	Sở KHĐT
56	Thủ tục Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở đối với Công ty TNHH hai thành viên trở lên (Phạm vi trong tỉnh)	3	Sở KHĐT
57	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở đối với Công ty TNHH hai thành viên trở lên (Nơi khác chuyển đến Nghệ An)	3	Sở KHĐT
58	Đăng ký thay đổi thành viên đối với Công ty TNHH hai thành viên trở lên (Trường hợp thay đổi do tiếp nhận thành viên mới)	3	Sở KHĐT
59	Đăng ký thay đổi thành viên đối với Công ty TNHH hai thành viên trở lên (Trường hợp thay đổi do chuyển nhượng phần vốn góp)	3	Sở KHĐT
60	Đăng ký thay đổi thành viên đối với Công ty TNHH hai thành viên trở lên (Trường hợp thay đổi do thừa kế)	3	Sở KHĐT
61	Đăng ký thay đổi thành viên đối với Công ty TNHH hai thành viên trở lên (Trường hợp thay đổi do không thực hiện cam kết góp vốn theo quy định)	3	Sở KHĐT
62	Đăng ký thay đổi ngành nghề kinh doanh đối với Công ty TNHH hai thành viên trở lên	3	Sở KHĐT
63	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh theo Quyết định của Tòa án đối với Công ty TNHH hai thành viên trở lên	3	Sở KHĐT
64	Đăng ký lập địa điểm kinh doanh thuộc Chi nhánh đối với Công ty TNHH hai thành viên trở lên	3	Sở KHĐT
65	Đăng ký lập địa điểm kinh doanh thuộc Công ty TNHH hai thành viên trở lên	3	Sở KHĐT
66	Thông báo Tạm ngừng kinh doanh đối với Công ty TNHH hai thành viên trở lên	3	Sở KHĐT
67	Đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do mất , cháy đối với Công ty TNHH hai thành viên trở lên	3	Sở KHĐT
68	Đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của Chi nhánh, Văn phòng đại diện do mất , cháy đối với Công ty TNHH hai thành viên trở lên	3	Sở KHĐT
69	Giải thể doanh nghiệp đối với Công ty TNHH hai thành viên trở lên	3	Sở KHĐT
70	Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện/ Địa điểm kinh doanh đối với Công ty TNHH hai thành viên trở lên	3	Sở KHĐT
71	Thủ tục Đăng ký bổ sung thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với Công ty TNHH hai thành viên trở lên	3	Sở KHĐT
72	Thủ tục Đề nghị hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với Công ty TNHH hai thành viên trở lên	3	Sở KHĐT
73	Thủ tục Đăng ký bổ sung, hiệu đính nội dung thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp	3	Sở KHĐT
74	Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký thuế đối với Công ty TNHH hai thành viên trở lên	3	Sở KHĐT

75	Thủ tục Đăng ký thay đổi thành viên sáng lập đối với Công ty TNHH hai thành viên trở lên (Trường hợp tặng cho vốn góp)	3	Sở KHĐT
76	Thủ tục Đăng ký hoạt động Chi nhánh đối với Công ty TNHH hai thành viên trở lên	3	Sở KHĐT
77	Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh đối với Công ty TNHH hai thành viên trở lên	3	Sở KHĐT
78	Thủ tục Đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện đối với Công ty TNHH hai thành viên trở lên	3	Sở KHĐT
79	Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện đối với Công ty TNHH hai thành viên trở lên	3	Sở KHĐT
80	Thủ tục Đăng ký Chấm dứt hoạt động chi nhánh đối với Công ty TNHH hai thành viên trở lên	3	Sở KHĐT
81	Công ty TNHH Một thành viên	3	Sở KHĐT
82	Đăng ký thành lập doanh nghiệp đối với Công ty TNHH một thành viên (Trường hợp vốn đầu tư trong nước)	3	Sở KHĐT
83	Đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp: từ Công ty TNHH một thành viên thành Công ty Cổ phần.	3	Sở KHĐT
84	Đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp: từ Công ty TNHH một thành viên thành Công ty TNHH hai thành viên trở lên	3	Sở KHĐT
85	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật đối với Công ty TNHH một thành viên	3	Sở KHĐT
86	Đăng ký thay đổi Chủ sở hữu đối với Công ty TNHH một thành viên	3	Sở KHĐT
87	Đăng ký thay đổi tên doanh nghiệp đối với Công ty TNHH một thành viên	3	Sở KHĐT
88	Đăng ký tăng vốn đối với Công ty TNHH một thành viên	3	Sở KHĐT
89	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở đối với Công ty TNHH một thành viên (Phạm vi trong tỉnh)	3	Sở KHĐT
90	Thủ tục Đăng ký Thay đổi địa chỉ trụ sở đối với Công ty TNHH một thành viên (Trường hợp từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác về Nghệ An)	3	Sở KHĐT
91	Thủ tục Đăng ký Thay đổi ngành nghề kinh doanh Công ty TNHH một thành viên	3	Sở KHĐT
92	Thủ tục Đăng ký Thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh theo Quyết định của Tòa án đối với Công ty TNHH một thành viên	3	Sở KHĐT
93	Đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh đối với Công ty TNHH một thành viên	3	Sở KHĐT
94	Đăng ký lập địa điểm kinh doanh thuộc Chi nhánh đối với Công ty TNHH một thành viên	3	Sở KHĐT
95	Đăng ký tạm ngừng kinh doanh đối với Công ty TNHH một thành viên	3	Sở KHĐT
96	Đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do mất, cháy đối với Công ty TNHH một thành viên	3	Sở KHĐT
97	Thủ tục Đề nghị cấp lại giấy chứng nhận hoạt động của Chi nhánh, văn phòng đại diện do mất, cháy đối với Công ty TNHH một thành viên	3	Sở KHĐT
98	Thông báo giải thể doanh nghiệp đối với Công ty TNHH một thành viên	3	Sở KHĐT
99	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Địa điểm kinh doanh đối với Công ty TNHH một thành viên	3	Sở KHĐT
100	Thủ tục Đăng ký bổ sung thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với Công ty TNHH một thành viên	3	Sở KHĐT

101	Thủ tục Đề nghị hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với Công ty TNHH một thành viên	3	Sở KHĐT
102	Thủ tục Đăng ký bổ sung, hiệu đính nội dung thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đối với Công ty TNHH một thành viên trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp	3	Sở KHĐT
103	Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký thuế đối với Công ty TNHH một thành viên	3	Sở KHĐT
104	Thủ tục Đăng ký hoạt động Chi nhánh đối với Công ty TNHH một thành viên	3	Sở KHĐT
105	Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh đối với Công ty TNHH một thành viên	3	Sở KHĐT
106	Thủ tục Đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện đối với Công ty TNHH một thành viên	3	Sở KHĐT
107	Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện đối với Công ty TNHH một thành viên	3	Sở KHĐT
108	Thủ tục Đăng ký Chấm dứt hoạt động chi nhánh đối với Công ty TNHH một thành viên	3	Sở KHĐT
109	Đăng ký thành lập doanh nghiệp đối với Công ty TNHH một thành viên (Trường hợp vốn đầu tư trong nước)	3	Sở KHĐT
110	Đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp: từ Công ty TNHH một thành viên thành Công ty Cổ phần.	3	Sở KHĐT
111	Đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp: từ Công ty TNHH một thành viên thành Công ty TNHH hai thành viên trở lên	3	Sở KHĐT
112	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật đối với Công ty TNHH một thành viên	3	Sở KHĐT
113	Đăng ký thay đổi Chủ sở hữu đối với Công ty TNHH một thành viên	3	Sở KHĐT
114	Đăng ký thay đổi tên doanh nghiệp đối với Công ty TNHH một thành viên	3	Sở KHĐT
115	Đăng ký tăng vốn đối với Công ty TNHH một thành viên	3	Sở KHĐT
116	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở đối với Công ty TNHH một thành viên (Phạm vi trong tỉnh)	3	Sở KHĐT
117	Thủ tục Đăng ký Thay đổi địa chỉ trụ sở đối với Công ty TNHH một thành viên (Trường hợp từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác về Nghệ An)	3	Sở KHĐT
118	Thủ tục Đăng ký Thay đổi ngành nghề kinh doanh Công ty TNHH một thành viên	3	Sở KHĐT
119	Thủ tục Đăng ký Thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh theo Quyết định của Tòa án đối với Công ty TNHH một thành viên	3	Sở KHĐT
120	Đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh đối với Công ty TNHH một thành viên	3	Sở KHĐT
121	Đăng ký lập địa điểm kinh doanh thuộc Chi nhánh đối với Công ty TNHH một thành viên	3	Sở KHĐT
122	Đăng ký tạm ngừng kinh doanh đối với Công ty TNHH một thành viên	3	Sở KHĐT
123	Đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do mất, cháy đối với Công ty TNHH một thành viên	3	Sở KHĐT
124	Thủ tục Đề nghị cấp lại giấy chứng nhận hoạt động của Chi nhánh, văn phòng đại diện do mất, cháy đối với Công ty TNHH một thành viên	3	Sở KHĐT

Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp

125	Thông báo giải thể doanh nghiệp đối với Công ty TNHH một thành viên	3	Sở KHĐT
126	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Địa điểm kinh doanh đối với Công ty TNHH một thành viên	3	Sở KHĐT
127	Thủ tục Đăng ký Bổ sung thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với Công ty TNHH một thành viên	3	Sở KHĐT
128	Thủ tục Đăng ký hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với Công ty TNHH một thành viên	3	Sở KHĐT
129	Thủ tục Đăng ký bổ sung, hiệu đính nội dung thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đối với Công ty TNHH một thành viên trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp	3	Sở KHĐT
130	Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký thuế đối với Công ty TNHH một thành viên	3	Sở KHĐT
131	Thủ tục Đăng ký hoạt động Chi nhánh đối với Công ty TNHH một thành viên	3	Sở KHĐT
132	Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh đối với Công ty TNHH một thành viên	3	Sở KHĐT
133	Thủ tục Đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện đối với Công ty TNHH một thành viên	3	Sở KHĐT
134	Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện đối với Công ty TNHH một thành viên	3	Sở KHĐT
135	Thủ tục Đăng ký Chấm dứt hoạt động chi nhánh đối với Công ty TNHH một thành viên	3	Sở KHĐT
136	Đăng ký thành lập doanh nghiệp đối với Công ty Hợp danh (Trường hợp vốn đầu tư trong nước)	3	Sở KHĐT
137	Đăng ký thành lập doanh nghiệp đối với Công ty Hợp danh (Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài có không quá 49% vốn điều lệ và đã thành lập doanh nghiệp ở Việt Nam)	3	Sở KHĐT
138	Đăng ký Thay đổi tên doanh nghiệp đối với Công ty Hợp danh	3	Sở KHĐT
139	Đăng ký tăng vốn điều lệ đối với Công ty Hợp danh	3	Sở KHĐT
140	Đăng ký giảm vốn điều lệ đối với Công ty Hợp danh	3	Sở KHĐT
141	Đăng ký Thay đổi địa chỉ trụ sở đối với Công ty Hợp danh (Trong phạm vi tỉnh Nghệ An)	3	Sở KHĐT
142	Đăng ký Thay đổi địa chỉ trụ sở đối với Công ty Hợp danh (Trường hợp từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác về Nghệ An)	3	Sở KHĐT
143	Đăng ký bổ sung, thay đổi ngành nghề kinh doanh Công ty Hợp danh	3	Sở KHĐT
144	Đăng ký Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo Quyết định của Tòa án đối với Công ty Hợp danh	3	Sở KHĐT
145	Đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh đối với Công ty Hợp danh	3	Sở KHĐT
146	Đăng ký lập địa điểm kinh doanh thuộc Chi nhánh đối với Công ty Hợp danh	3	Sở KHĐT
147	Đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác đối với Công ty hợp danh	3	Sở KHĐT
148	Đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của Chi nhánh, Văn phòng đại diện do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác đối với Công ty hợp danh	3	Sở KHĐT

149	Đề nghị cấp lại giấy chứng nhận hoạt động của Chi nhánh, Văn phòng đại diện do mất, cháy... đối với Công ty Hợp danh	3	Sở KHĐT
150	Thông báo giải thể doanh nghiệp đối với Công ty Hợp danh	3	Sở KHĐT
151	Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện đối với Công ty hợp danh	3	Sở KHĐT
152	Thủ tục Đăng ký bổ sung thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với Công ty hợp danh	3	Sở KHĐT
153	Thủ tục Đăng ký hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với Công ty hợp danh	3	Sở KHĐT
154	Thủ tục Đăng ký bổ sung, hiệu đính nội dung thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đối với Công ty hợp danh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp	3	Sở KHĐT
155	Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký thuế đối với Công ty hợp danh	3	Sở KHĐT
156	Thủ tục Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh đối với Công ty hợp danh	3	Sở KHĐT
157	Thủ tục Đăng ký hoạt động Chi nhánh đối với Công ty hợp danh	3	Sở KHĐT
158	Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh đối với Công ty hợp danh	3	Sở KHĐT
159	Thủ tục Đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện đối với Công ty hợp danh	3	Sở KHĐT
160	Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện đối với Công ty hợp danh	3	Sở KHĐT
161	Thủ tục Đăng ký Chấm dứt hoạt động chi nhánh đối với Công ty hợp danh	3	Sở KHĐT
162	Đăng ký thành lập mới Doanh nghiệp Tư nhân	3	Sở KHĐT
163	Đăng ký Chuyển đổi từ Doanh nghiệp Tư nhân thành Công ty TNHH một thành viên (Chủ sở hữu là cá nhân)	3	Sở KHĐT
164	Đăng ký Chuyển đổi từ Doanh nghiệp tư nhân thành Công ty TNHH hai thành viên	3	Sở KHĐT
165	Đăng ký Thay đổi tên doanh nghiệp đối Doanh nghiệp tư nhân	3	Sở KHĐT
166	Đăng ký Thay đổi địa chỉ trụ sở đối với Doanh nghiệp tư nhân (Trong phạm vi tỉnh Nghệ An)	3	Sở KHĐT
167	Đăng ký Thay đổi địa chỉ trụ sở đối với Doanh nghiệp tư nhân (Trường hợp từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác về Nghệ An)	3	Sở KHĐT
168	Đăng ký Thay đổi ngành nghề kinh doanh đối với Doanh nghiệp tư nhân	3	Sở KHĐT
169	Thủ tục Đăng ký Thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh theo Quyết định của Tòa án đối với Doanh nghiệp tư nhân	3	Sở KHĐT
170	Đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh đối với Doanh nghiệp tư nhân	3	Sở KHĐT
171	Đăng ký lập địa điểm kinh doanh thuộc Chi nhánh đối với Doanh nghiệp tư nhân	3	Sở KHĐT
172	Đăng ký tạm ngừng kinh doanh đối với Doanh nghiệp tư nhân	3	Sở KHĐT
173	Đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do mất, cháy... đối với Doanh nghiệp tư nhân	3	Sở KHĐT
174	Đề nghị cấp lại giấy chứng nhận hoạt động của Chi nhánh, Văn phòng đại diện do mất, cháy... đối với Doanh nghiệp tư nhân	3	Sở KHĐT
175	Thông báo giải thể doanh nghiệp đối với Doanh nghiệp tư nhân	3	Sở KHĐT

nguy
hợp danh

Doanh
nhiên tư

176	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Địa điểm kinh doanh đối với Doanh nghiệp tư nhân	3	Sở KHĐT
177	Thủ tục Đăng ký bổ sung thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với Doanh nghiệp tư nhân	3	Sở KHĐT
178	Thủ tục Đề nghị hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với Doanh nghiệp tư nhân	3	Sở KHĐT
179	Thủ tục Đăng ký bổ sung, hiệu đính nội dung thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đối với Doanh nghiệp tư nhân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp	3	Sở KHĐT
180	Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký thuế đối với Doanh nghiệp tư nhân	3	Sở KHĐT
181	Thủ tục Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích	3	Sở KHĐT
182	Thủ tục Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	3	Sở KHĐT
183	Thủ tục Đăng ký hoạt động Chi nhánh đối với Doanh nghiệp tư nhân	3	Sở KHĐT
184	Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh đối với Doanh nghiệp tư nhân	3	Sở KHĐT
185	Thủ tục Đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện đối với Doanh nghiệp tư nhân	3	Sở KHĐT
186	Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện đối với Doanh nghiệp tư nhân	3	Sở KHĐT
187	Đăng ký thành lập Hợp tác xã	3	Sở KHĐT
188	Đăng ký thành lập Liên hiệp Hợp tác xã	3	Sở KHĐT
189	Đăng ký Hợp nhất các Hợp tác xã	3	Sở KHĐT
190	Đăng ký Sáp nhập các Hợp tác xã	3	Sở KHĐT
191	Đăng ký tách Hợp tác xã (Đối với trường hợp Hợp tác xã bị tách)	3	Sở KHĐT
192	Đăng ký tách Hợp tác xã (Đối với trường hợp Hợp tác xã được tách)	3	Sở KHĐT
193	Đăng ký chia Hợp tác xã	3	Sở KHĐT
194	Đăng ký thành lập doanh nghiệp trực thuộc hợp tác xã (Mô hình công ty TNHH một thành viên là tổ chức và hợp tác xã là Chủ sở hữu công ty)	3	Sở KHĐT
195	Đăng ký Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã	3	Sở KHĐT
196	Đăng ký Thay đổi danh sách Ban quản trị của Hợp tác xã	3	Sở KHĐT
197	Đăng ký Thay đổi danh sách Ban kiểm soát của Hợp tác xã	3	Sở KHĐT
198	Đăng ký Thay đổi số lượng xã viên của Hợp tác xã	3	Sở KHĐT
199	Đăng ký Thay đổi tên Hợp tác xã	3	Sở KHĐT
200	Đăng ký tăng vốn điều lệ đối với Hợp tác xã	3	Sở KHĐT
201	Đăng ký giảm vốn điều lệ đối với Hợp tác xã	3	Sở KHĐT
202	Đăng ký Thay đổi địa chỉ trụ sở đối với Hợp tác xã (Trong phạm vi tỉnh Nghệ An)	3	Sở KHĐT
203	Đăng ký Thay đổi địa chỉ trụ sở đối với Hợp tác xã (Trường hợp từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác về Nghệ An)	3	Sở KHĐT
204	Đăng ký Thay đổi nơi đăng ký kinh doanh đối với Hợp tác xã	3	Sở KHĐT
205	Đăng ký Thay đổi ngành nghề kinh doanh Hợp tác xã	3	Sở KHĐT

nguyệ
nhân

Hợp tác
xã

206	Đăng ký hoạt động Chi nhánh đối với Hợp tác xã (Trường hợp Chi nhánh được lập tại tỉnh Nghệ An, nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính).	3	Sở KHĐT	Các tổ chức khoa học và công nghệ
207	Đăng ký hoạt động Chi nhánh đối với Hợp tác xã (Trường hợp Chi nhánh được lập tại tỉnh Nghệ An, nơi hợp tác xã không đặt trụ sở chính).	3	Sở KHĐT	
208	Đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện đối với hợp tác xã (Trường hợp Văn phòng đại diện được lập tại tỉnh Nghệ An, nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính).	3	Sở KHĐT	
209	Đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện đối với Hợp tác xã (Trường hợp Văn phòng đại diện được lập tại tỉnh Nghệ An, nơi hợp tác xã không đặt trụ sở chính).	3	Sở KHĐT	
210	Đăng ký Điều lệ hợp tác xã sửa đổi	3	Sở KHĐT	
211	Đăng ký tạm ngừng kinh doanh đối với Hợp tác xã	3	Sở KHĐT	
212	Thủ tục Đăng ký thành lập Tổ chức Khoa học và Công nghệ	3	Sở KHĐT	
213	Thủ tục Đăng ký thành lập Chi nhánh đối với tổ chức Khoa học và Công nghệ (Trường hợp Chi nhánh được lập tại tỉnh Nghệ An, nơi tổ chức Khoa học Công nghệ đặt trụ sở chính).	3	Sở KHĐT	
214	Thủ tục Đăng ký thành lập Chi nhánh đối với tổ chức Khoa học và Công nghệ (Trường hợp Chi nhánh được lập tại tỉnh Nghệ An, nơi tổ chức Khoa học Công nghệ không đặt trụ sở chính).	3	Sở KHĐT	
215	Thủ tục Đăng ký thành lập Văn phòng đại diện đối với tổ chức Khoa học và Công nghệ (Trường hợp Văn phòng đại diện được lập tại tỉnh Nghệ An, nơi tổ chức Khoa học Công nghệ đặt trụ sở chính).	3	Sở KHĐT	
216	Thủ tục Đăng ký thành lập Văn phòng đại diện đối với tổ chức Khoa học và Công nghệ (Trường hợp Văn phòng đại diện được lập tại tỉnh Nghệ An, nơi tổ chức Khoa học Công nghệ không đặt trụ sở chính).	3	Sở KHĐT	
217	Thủ tục Đăng ký thành lập Địa điểm kinh doanh đối với tổ chức Khoa học và Công nghệ	3	Sở KHĐT	
218	Thủ tục Đăng ký Thay đổi người đại diện theo pháp luật đối với tổ chức Khoa học và Công nghệ	3	Sở KHĐT	
219	Thủ tục Đăng ký Thay đổi tên tổ chức Khoa học và Công nghệ	3	Sở KHĐT	
220	Thủ tục Đăng ký Thay đổi ngành nghề kinh doanh tổ chức Khoa học và Công nghệ	3	Sở KHĐT	
221	Chấp thuận chủ trương đầu tư	3	Sở KHĐT	Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các khu công nghiệp, khu kinh tế
222	Thẩm định và phê duyệt quy hoạch xây dựng	3	Sở KHĐT	
223	Đăng ký/thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư	3	Sở KHĐT	
224	Cho ý kiến về thiết kế cơ sở	3	Sở KHĐT	
225	Thẩm duyệt phòng cháy, chữa cháy	3	Sở KHĐT	
226	Bảo vệ môi trường	3	Sở KHĐT	
227	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	3	Sở KHĐT	
228	Xác định giá đất	3	Sở KHĐT	
229	Cho thuê đất, giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	3	Sở KHĐT	
230	Cấp phép xây dựng	3	Sở KHĐT	
231	Thủ tục Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư có quy mô dưới 300 tỷ đồng và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện (trường hợp gắn với thành lập tổ chức kinh tế)	3	Sở KHĐT	Cấp giấy chứng nhận đầu tư ĐĂNG KÝ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

232	Thẩm tra, cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 300 tỷ đồng trở lên và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện (đối với trường hợp gắn với thành lập tổ chức kinh tế)	3	Sở KHĐT		nhận đầu tư cho các dự án đầu tư ngoài Khu kinh tế và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh
233	Thẩm tra, cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư dưới 300 tỷ đồng Việt Nam và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện (đối với trường hợp gắn với thành lập tổ chức kinh tế)	3	Sở KHĐT		
234	Thẩm tra, cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ (đối với trường hợp gắn với thành lập tổ chức kinh tế)	3	Sở KHĐT		
235	Thông báo/đăng ký thực hiện chương trình khuyến mãi	4	Sở Công Thương	Quản lý thương mại	
236	Cấp giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	3	Sở Công Thương		
237	Đăng ký giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu	3	Sở Công Thương		
238	Đăng ký giấy phép kinh doanh buôn bán các sản phẩm rượu	3	Sở Công Thương		
239	Cấp phép kinh doanh buôn bán sản phẩm thuốc lá	3	Sở Công Thương		
240	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	3	Sở Khoa học và Công nghệ	Cấp giấy chứng nhận hoạt động tổ chức	
241	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	3	Sở Khoa học và Công nghệ		
242	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	3	Sở Khoa học và Công nghệ		
243	Cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương	3	Sở VH TT & DL	Nghệ thuật biểu diễn	
244	Cấp giấy phép cho phép tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc địa phương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang	3	Sở VH TT & DL		
245	Cấp giấy phép cho đối tượng thuộc địa phương mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang tại địa phương	3	Sở VH TT & DL		
246	Cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi địa phương	3	Sở VH TT & DL		
247	Cấp giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu cho các tổ chức thuộc địa phương	4	Sở VH TT & DL		
248	Cấp nhãn kiểm soát bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu cho các tổ chức thuộc địa phương	4	Sở VH TT & DL		
249	Thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang	3	Sở VH TT & DL		
250	Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn	3	Sở VH TT & DL	Quảng cáo	
251	Tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	4	Sở VH TT & DL		
252	Cấp chứng chỉ nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	3	Sở NN & PTNT	Bảo vệ thực vật	
253	Cấp giấy chứng nhận hành nghề kinh doanh thuốc thú y	3	Sở NN & PTNT	Thú y	
254	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	3	Sở NN & PTNT		

255	Cấp giấy chứng nhận An toàn kỹ thuật tàu cá	3	Sở NN&PTNT		
256	Đăng ký thuyền viên và cấp sổ Danh bạ thuyền viên	3	Sở NN&PTNT	Thủy sản	
257	Thủ tục gia hạn giấy phép	3	Sở NN&PTNT		
258	Thủ tục xin cấp đổi giấy phép	3	Sở NN&PTNT		
259	Thủ tục chứng nhận, xác nhận thủy sản khai thác xuất khẩu vào thị trường Châu Âu	3	Sở NN&PTNT		
260	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế rau quả an toàn	3	Sở NN&PTNT	QLchất lượng NLS và TS	
261	Thủ tục cấp phiếu lý lịch tư pháp đối với công dân Việt Nam	4	Sở Tư pháp	Hành chính tư pháp	
262	Thủ tục cấp phiếu lý lịch tư pháp đối với người nước ngoài	4	Sở Tư pháp		
263	Thủ tục cấp phiếu lý lịch tư pháp (Dùng trong trường hợp ủy quyền)	4	Sở Tư pháp		
264	Thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan, tổ chức yêu cầu	4	Sở Tư pháp		
265	Thủ tục đăng ký văn phòng giao dịch tổ chức hành nghề luật sư	4	Sở Tư pháp	Bổ trợ tư pháp	
266	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng giao dịch tổ chức hành nghề luật sư	4	Sở Tư pháp		
267	Thủ tục đăng ký hành nghề Luật sư với tư cách cá nhân	4	Sở Tư pháp		
268	Cấp chứng chỉ hành nghề cho kỹ sư, kiến trúc sư	3	Sở xây dựng	Xây dựng	
269	Cấp chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình	3	Sở xây dựng	Xây dựng	
270	Đánh giá, môi giới bất động sản	3	Sở xây dựng	Bất động sản	
271	Cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng	3	Sở xây dựng	Xây dựng	
272	Cấp giấy phép xây dựng	3	Sở xây dựng	Xây dựng	
273	Cấp phép quy hoạch xây dựng	3	Sở xây dựng	Xây dựng	
274	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc	3	Sở Y tế	Cấp giấy chứng nhận kinh doanh thuốc	
275	Bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc	3	Sở Y tế		
276	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc	3	Sở Y tế		
277	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc	3	Sở Y tế		
278	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược	3	Sở Y tế	Hành nghề dược	
279	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược	3	Sở Y tế		
280	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	3	Sở Y tế	Hoạt động khám, chữa bệnh tư nhân	
281	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	3	Sở Y tế		
282	Điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	3	Sở Y tế		
283	Cấp chứng chỉ hành nghề khám, chữa bệnh	3	Sở Y tế		
284	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám, chữa bệnh	3	Sở Y tế		
285	Cấp mới Giấy phép lái xe (GPLX)	3	Sở GTVT		
286	Cấp lại giấy phép lái xe do quá hạn sử dụng trên 3 tháng	3	Sở GTVT		
287	Cấp lại Giấy phép lái xe bị mất (đối với hồ sơ do Sở GTVT Nghệ An đang quản lý)	3	Sở GTVT		
288	Thủ tục sát hạch lại đối với trường hợp bị tước quyền sử dụng GPLX không thời hạn	3	Sở GTVT	Cấp, đổi	

289	Lập lại hồ sơ gốc Giấy phép lái xe	3	Sở GTVT	giấy phép lái xe	
290	Đổi GPLX do ngành Giao thông vận tải cấp	3	Sở GTVT		
291	Đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ quốc phòng cấp	3	Sở GTVT		
292	Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp	3	Sở GTVT		
293	Cấp đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài	3	Sở GTVT		
294	Đổi giấy phép lái xe cho hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam	3	Sở GTVT		
295	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với Doanh nghiệp, HTX	3	Sở GTVT	Cấp giấy phép kinh doanh	
296	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với Hộ kinh doanh	3	Sở GTVT		
297	Cấp mới biển hiệu xe du lịch	3	Sở GTVT	Cấp phù hiệu, biển hiệu vận tải hành khách	
298	Cấp lại biển hiệu xe du lịch	3	Sở GTVT		
299	Cấp mới Phù hiệu vận tải hành khách bằng Ta xi	3	Sở GTVT		
300	Cấp lại Phù hiệu vận tải hành khách bằng Ta xi	3	Sở GTVT		
301	Cấp mới Phù hiệu vận tải hành khách theo hợp đồng	3	Sở GTVT		
302	Cấp lại Phù hiệu vận tải hành khách theo hợp đồng	3	Sở GTVT		
303	Cấp mới Phù hiệu vận tải hành khách bằng tuyến cố định	3	Sở GTVT		
304	Cấp lại Phù hiệu vận tải hành khách bằng tuyến cố định	3	Sở GTVT		
305	Cấp mới Phù hiệu vận tải hành khách bằng xe buýt	3	Sở GTVT		
306	Cấp lại Phù hiệu vận tải hành khách bằng xe buýt	3	Sở GTVT		
307	Cấp mới Phù hiệu vận tải hàng hóa bằng công ten nơ	3	Sở GTVT		
308	Cấp lại Phù hiệu vận tải hàng hóa bằng công ten nơ	3	Sở GTVT		
309	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu và đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất.	3	Sở TNMT	Thủ tục cấp giấy chứng nhận	
310	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	3	Sở TNMT		
311	Cấp lại Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng do bị mất.	3	Sở TNMT		
312	Định chính Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đã cấp	3	Sở TNMT		
313	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	3	Sở TNMT		Chuyển đổi mục đích sử dụng đất
314	Xác định giá đất cụ thể	3	Sở TNMT	Tặng, thừa kế, thế chấp, giao, cho thuê	
315	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	3	Sở TNMT		
316	Giao đất, cho thuê đất không qua hình thức đấu giá	3	Sở TNMT		
317	Đăng ký, cấp giấy chứng nhận lần đầu gắn với giao, thuê đất mới	3	Sở TNMT		
318	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, thế chấp QSD đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai; thế chấp tài sản gắn liền với đất	3	Sở TNMT		
319	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không đồng thời là người sử dụng đất	3	Sở TNMT		

320	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai	3	Sở TNMT	quyền sử dụng đất	
321	Săng ký thay đổi nội dung thỔ CHẾP đã đăng ký	3	Sở TNMT		
322	Săng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thỔ CHẾP bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	3	Sở TNMT		
323	Xóa đăng ký thỔ CHẾP bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	3	Sở TNMT		
324	Sửa chữa sai sót nội dung đăng ký thế chấp do lỗi của người thực hiện đăng ký	3	Sở TNMT		
325	Cấp Giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô lưu lượng lớn hơn 200m ³ /ngày đêm	3	Sở TNMT	Cấp phép tài nguyên nước	
326	Cấp Giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô lưu lượng nhỏ hơn 200m ³ /ngày đêm	3	Sở TNMT		
327	Gia hạn giấy/điều chỉnh phép thăm dò nước dưới đất	3	Sở TNMT		
328	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất với lưu lượng nhỏ hơn 200m ³ /ngày đêm chưa có công trình khai thác	3	Sở TNMT		
329	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất với lưu lượng lớn hơn 200m ³ /ngày đêm chưa có công trình khai thác	3	Sở TNMT		
330	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất với trường hợp đã có công trình khai thác	3	Sở TNMT		
331	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất	3	Sở TNMT		
332	Cấp giấy phép khai thác nước mặt trường hợp chưa có công trình khai thác	3	Sở TNMT		
333	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước trường hợp có công trình khai thác	3	Sở TNMT		
334	Gia hạn giấy phép khai thác nước mặt	3	Sở TNMT		
335	Điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt	3	Sở TNMT		
336	Cấp giấy phép khai thác nước biển	3	Sở TNMT		
337	Gia hạn giấy phép khai thác nước biển	3	Sở TNMT		
338	Điều chỉnh giấy phép khai thác nước biển	3	Sở TNMT		
339	Cấp giấy phép xả thải vào nguồn nước trường hợp chưa xả nước thải vào nguồn nước	3	Sở TNMT		
340	Cấp giấy phép xả thải vào nguồn nước trường hợp đã xả nước thải vào nguồn nước	3	Sở TNMT		
341	Gia hạn/ điều chỉnh giấy phép xả thải vào nguồn nước	3	Sở TNMT		
342	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước	3	Sở TNMT		
343	Chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước	3	Sở TNMT		
344	Đình chỉ hiệu lực giấy phép tài nguyên nước	3	Sở TNMT		
345	Thu hồi giấy phép tài nguyên nước	3	Sở TNMT		
346	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	3	Sở TNMT		
347	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	3	Sở TNMT		
348	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	3	Sở TNMT		
349	Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản	3	Sở TNMT		
350	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản	3	Sở TNMT		

351	Trả lại giấy phép hoặc một phần diện tích thăm dò khoáng sản	3	Sở TNMT	Cấp phép khoáng sản
352	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	3	Sở TNMT	
353	Hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản	3	Sở TNMT	
354	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản	3	Sở TNMT	
355	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản	3	Sở TNMT	
356	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khai thác khoáng sản	3	Sở TNMT	
357	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	3	Sở TNMT	
358	Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	3	Sở TNMT	
359	Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	3	Sở TNMT	
360	Trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	3	Sở TNMT	
361	Đóng cửa mỏ khoáng sản	3	Sở TNMT	

B TRIỂN KHAI DỊCH VỤ CÔNG CẤP HUYỆN					
1	Cấp giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) rượu.	3	UBND huyện		
2	Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công cho tổ chức, cá nhân (mục đích kinh doanh).	3	UBND huyện		
3	Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công cho tổ chức, cá nhân thuộc làng nghề (mục đích kinh doanh).	3	UBND huyện		
4	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) thuốc lá	3	UBND huyện		
5	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) thuốc lá	3	UBND huyện		
6	Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) thuốc lá	3	UBND huyện		
7	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã giải thể tự nguyện.	3	UBND huyện		
8	Tiếp nhận thông báo tạm ngừng hoạt động hợp tác xã.	3	UBND huyện		
9	Đăng ký kinh doanh khi hợp tác xã hợp nhất, sáp nhập.	3	UBND huyện		
10	Đăng ký kinh doanh khi hợp tác xã chia, tách.	3	UBND huyện		
11	Đăng ký Điều lệ hợp tác xã sửa đổi.	3	UBND huyện		
12	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ hợp tác xã.	3	UBND huyện		
13	Đăng ký thay đổi số lượng xã viên, người đại diện theo pháp luật, Danh sách Ban Quản trị, Ban Kiểm soát hợp tác xã.	3	UBND huyện		
14	Đăng ký đổi tên hợp tác xã.	3	UBND huyện		
15	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã từ tỉnh khác.	3	UBND huyện		
16	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã đến nơi khác trong phạm vi tỉnh.	3	UBND huyện		
17	Đăng ký thay đổi nơi đăng ký kinh doanh của Hợp tác xã.	3	UBND huyện		
18	Đăng ký thay đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh của hợp tác xã.	3	UBND huyện		
19	Đăng ký lập chi nhánh, văn phòng đại diện trực thuộc hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.	3	UBND huyện		

20	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Hợp tác xã.	3	UBND huyện		
21	Cấp Giấy xác nhận tạm dừng kinh doanh đối với hộ kinh doanh.	3	UBND huyện		
22	Chấm dứt hoạt động kinh doanh đối với hộ kinh doanh.	3	UBND huyện		
23	Cấp Giấy chứng nhận thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh Hộ kinh doanh.	3	UBND huyện		
24	Đăng ký kinh doanh đối với hộ kinh doanh.	3	UBND huyện		
25	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở phường.	3	UBND huyện		
26	Xóa đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất.	3	UBND huyện		
27	Đăng ký thế chấp, bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất.	3	UBND huyện		
28	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất.	3	UBND huyện		
29	Đính chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	3	UBND huyện		
30	Đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất.	3	UBND huyện		
31	Giao đất làm nhà ở đối với hộ gia đình, cá nhân tại nông thôn không thuộc trường hợp phải đấu giá quyền sử dụng đất.	3	UBND huyện		
32	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất tại xã, thị trấn.	3	UBND huyện		
33	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người trúng đấu giá quyền sử dụng đất, trúng đấu thầu dự án có sử dụng đất.	3	UBND huyện		
34	Cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	3	UBND huyện		
35	Cấp giấy phép xây dựng công trình và nhà ở đô thị	3	UBND huyện		
36	Gia hạn giấy phép xây dựng	3	UBND huyện		
37	Điều chỉnh giấy phép xây dựng	3	UBND huyện		
38	Cấp giấy phép xây dựng tạm	3	UBND huyện		
39	Cấp lại bản chính Giấy khai sinh	3	UBND huyện		